

NHÂN SINH QUAN NHÂN VĂN CỦA TRẦN THÁI TÔNG VÀ GỢI MỞ VỚI VIỆC NÂNG CAO ĐỜI SỐNG TINH THẦN CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN HÀ THỜ^(*)

Ngày nhận bài: 01/01/2026 Ngày thẩm định: 05/01/2026 Ngày duyệt đăng: 24/01/2026

Tóm tắt: Bài viết phân tích nhân sinh quan nhân văn trong tư tưởng Trần Thái Tông và luận giải giá trị gợi mở đối với việc nâng cao đời sống tinh thần con người Việt Nam hiện nay. Trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, bài viết tiếp cận nhân sinh quan như một hệ quan niệm về con người hiện thực, nhấn mạnh năng lực phản tỉnh, tự chủ, tự cải hóa trong mối quan hệ với điều kiện xã hội cụ thể. Qua đó, bài viết cho thấy nhân sinh quan Trần Thái Tông không chỉ phản ánh nhu cầu ổn định xã hội thời Trần, mà còn cung cấp khung tham chiếu nhân văn cho vấn đề con người trong bối cảnh khủng hoảng đời sống tinh thần hiện nay.

Từ khóa: đời sống tinh thần; nhân sinh quan nhân văn; Trần Thái Tông

1. Đặt vấn đề
Trong bối cảnh kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và chuyển đổi số, xã hội hiện đại đạt được nhiều thành tựu về phát triển vật chất, nhưng cũng bộc lộ những biểu hiện đáng lo ngại của sự suy giảm đời sống tinh thần. Tình trạng khủng hoảng giá trị, mất phương hướng sống, thiếu niềm tin và gia tăng cảm giác bất an đang trở thành hiện tượng phổ biến trong đời sống xã hội. Con người ngày càng bị cuốn vào nhịp vận hành của hiệu suất, cạnh tranh và tiêu dùng, trong khi khả năng phản tỉnh, tự định hướng, tự làm chủ đời sống tinh thần có xu hướng bị thu hẹp. Những biểu hiện này không chỉ là vấn đề tâm lý cá nhân, mà phản ánh những

biến đổi sâu xa trong các quan hệ xã hội và điều kiện tồn tại của con người hiện đại. Vì vậy, việc phục hồi đời sống tinh thần con người không chỉ dựa vào những lời kêu gọi đạo đức chung chung, mà đòi hỏi phải nhận diện đúng cơ chế xã hội đang làm xói mòn năng lực tự chủ và hệ giá trị của con người. Trong bối cảnh đó, việc trở lại với nghiên cứu các nguồn tư tưởng truyền thống, không phải để phục cổ, mà để đối thoại, tái diễn giải, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng. Tư tưởng Trần Thái Tông, với trọng tâm là con người hiện thực, năng lực phản tỉnh, tự chế và tự cải hóa, gợi mở một cách tiếp cận nhân văn đối với vấn đề con người. Nhân sinh quan Trần Thái Tông không tách rời đời sống xã hội, không phủ nhận những ràng buộc của hoàn cảnh, mà là khẳng định khả năng tự phục hồi nhân cách của con

^(*) ThS, Trường Đại học An ninh nhân dân

người. Chính vì vậy, việc nghiên cứu nhân sinh quan nhân văn của Trần Thái Tông, luận giải những giá trị gợi mở đối với đời sống tinh thần hiện đại, góp phần làm sáng tỏ khả năng phục hồi con người trong bối cảnh khủng hoảng giá trị hiện nay.

Trong nghiên cứu về Trần Thái Tông, phần lớn các công trình trước đây tập trung làm rõ tư tưởng của ông từ góc độ lịch sử tư tưởng, Phật học, đạo đức học hoặc tư tưởng chính trị, qua đó nhấn mạnh những đóng góp của ông đối với văn hóa và tư tưởng Việt Nam thời Trần. Tuy nhiên, rất ít công trình đặt nhân sinh quan Trần Thái Tông vào đối thoại trực tiếp với những vấn đề của đời sống tinh thần con người hiện đại, đặc biệt là tình trạng khủng hoảng giá trị, suy giảm năng lực tự chủ trong bối cảnh xã hội hiện nay. Vì vậy, bài viết tiếp cận tư tưởng Trần Thái Tông như một khung tham chiếu nhân văn để soi chiếu những biến dạng của đời sống tinh thần hiện nay. Từ đó, làm rõ khả năng gợi mở của nhân sinh quan Trần Thái Tông đối với việc nâng cao đời sống tinh thần của con người trong điều kiện hiện đại.

2. Nhân sinh quan nhân văn trong tư tưởng Trần Thái Tông

Nhân sinh quan nhân văn trong tư tưởng Trần Thái Tông không phải là một tập hợp rời rạc các lời khuyên đạo đức, mà là một cấu trúc tư tưởng tương đối nhất quán xoay quanh vấn đề con người hiện thực và khả năng tự phục hồi của nó. Cấu trúc này được nhận diện qua *một số phương diện cốt lõi* sau:

Thứ nhất, về điểm xuất phát của tư duy nhân sinh, Trần Thái Tông xây dựng cách hiểu về con người từ chính con người hiện thực với những giới hạn và khả năng tự điều chỉnh của nó

Nhân sinh quan trong tư tưởng Trần Thái Tông không phải là một hệ thống lý luận trừu tượng được xây dựng trong không gian thuần túy tư biện, mà là kết quả của trải nghiệm lịch sử, chính trị và tinh thần của một con người sống trọn trong những mâu

thuẫn của đời sống nhập thế. Ở Trần Thái Tông, tư duy về con người không xuất phát từ một bản tính siêu hình, cũng không từ một mô hình lý tưởng hóa, mà từ con người hiện thực với những nhu cầu, giới hạn, sai lệch và khả năng tự điều chỉnh của mình. Theo ông, đối với con người: “thân mệnh là rất trọng mà còn nên bỏ để cầu cái thính giác vô lượng huông chi ngọc vàng tiền của là cái đáng khinh mà lại luyến tiếc sao!... Nghe lời nói này, phải nên chăm học, chớ có chần chừ”⁽¹⁾. Vì vậy, nhân sinh quan của ông mang tính nhân văn, vì nó không phủ nhận những yếu đuối của con người, nhưng cũng không tuyệt đối hóa những yếu đuối ấy thành “định mệnh”. Con người, trong cách nhìn đó, vừa có nguy cơ đánh mất chính mình trong dục vọng, danh lợi, quyền lực, vừa có khả năng phục hồi nhân cách thông qua phản tỉnh và tự cải hóa. Cách tiếp cận này đặt con người vào vị trí chủ thể có trách nhiệm đối với chính mình và đối với xã hội, chứ không phải là một thực thể bị động trước hoàn cảnh. Nhân sinh quan ấy vì thế, không chỉ mô tả con người như nó đang là, mà còn chỉ ra con người có thể trở thành gì trong tiến trình tự điều chỉnh của mình. Đây chính là nền tảng để tư tưởng Trần Thái Tông vượt ra khỏi giới hạn của một diễn ngôn tôn giáo hay đạo đức, trở thành một hệ quan niệm có giá trị triết học về con người.

Thứ hai, trong cấu trúc nhân cách mà Trần Thái Tông kiến tạo, phản tỉnh giữ vị trí hạt nhân, là cơ chế để con người tự nhận diện mình và phòng ngừa tha hóa ngay từ bên trong

Trong nhân sinh quan Trần Thái Tông, trọng tâm không nằm ở việc quy định những chuẩn mực đạo đức cứng nhắc, mà ở việc khơi dậy năng lực tự nhận thức của con người. Trần Thái Tông đặc biệt nhấn mạnh vai trò của phản tỉnh như một cơ chế giúp con người nhận ra sự lệch chuẩn trong chính mình trước khi những lệch chuẩn ấy biến thành tha hóa nhân cách. Ông cho

rằng: “Nếu tâm định thì gương tuệ sinh, nếu tâm loạn thì gương tuệ mất. Cũng như chiếc gương đồng, trước hết phải lau chùi sau mới sáng trong chiếu soi. Nhược bằng không lau chùi thì rêu đóng bụi mờ. Đã bẩn mờ thì sáng sinh sao được? Cho nên biết rằng tuệ xuất hiện từ định, định nảy sinh từ tuệ. Định tuệ nương nhau, không bỏ sót một bên nào”⁽²⁾. Theo Trần Thái Tông: “Một đường hướng thượng, ngàn Thánh chẳng truyền. Người học nhọc hình, như vượn tắt bóng”⁽³⁾. Phản tỉnh, trong quan điểm của Trần Thái Tông, không được hiểu như sự tự trách mang tính cảm xúc, mà như một quá trình nhận thức có tính lý trí, trong đó con người tự đặt mình vào vị trí đối tượng phân tích để nhìn rõ động cơ, ham muốn, hành vi của chính mình. Nhờ phản tỉnh, con người không còn hoàn toàn bị cuốn theo những lực kéo vô hình của danh lợi và quyền lực, mà có khả năng tạo ra khoảng cách cần thiết giữa mình và những xung lực ấy. Khoảng cách đó chính là điều kiện để con người giữ được quyền tự quyết đối với đời sống tinh thần của mình. Khi phản tỉnh bị suy giảm, con người dễ rơi vào trạng thái đồng nhất mình với địa vị, lợi ích hoặc vai trò xã hội, từ đó đánh mất năng lực tự điều chỉnh. Vì vậy, phản tỉnh trong tư tưởng Trần Thái Tông không phải là thao tác đạo đức phụ trợ, mà là một năng lực cấu thành nhân cách con người.

Thứ ba, Trần Thái Tông kiến tạo một quan niệm tự do dựa trên tự chủ và tự chế, coi đó là nền tảng để con người giữ được bản thân giữa các áp lực của danh lợi và quyền lực

Gắn liền với phản tỉnh là quan niệm về tự chủ và tự chế như điều kiện để con người không đánh mất mình trong quá trình tồn tại xã hội. Trần Thái Tông không hiểu tự do như sự mở rộng vô hạn của ham muốn hay quyền lựa chọn, mà như khả năng con người làm chủ được những ham muốn và động cơ của chính mình. Trong bài *Văn răn vọng ngữ*, ông viết: “Thiện ác ở tâm làm gốc, họa

phúc do miệng gây ra. Nghĩ một câu vang ứng không sai, nói một lời bóng theo chẳng chệch, quân tử trọng lời như biện, cổ nhân giữ tiếng tựa bình. Nói ra lấy thẳng lấy công, phát ngôn không thiên không lệch. Không nói đây kia tốt xấu, chẳng bàn phải trái người mình. Đâu dám khua lưỡi máy môi, chỉ hay gìn lời giữ miệng”⁽⁴⁾. Tự chế không nhằm phủ định đời sống vật chất hay cảm xúc, mà nhằm thiết lập lại trật tự nội tâm để con người không bị lệ thuộc vào những lực lượng mà chính mình tạo ra. Ở đây, tự do không đối lập với giới hạn, mà chỉ có thể tồn tại thông qua việc con người biết đặt ra giới hạn cho chính mình. Chính sự đảo chiều này làm nên tính nhân văn sâu sắc trong cách hiểu về tự do của Trần Thái Tông, bởi nó bảo vệ con người khỏi nguy cơ tự tha hóa trong chính những điều kiện do mình tạo lập. Con người không bị yêu cầu phải trở nên hoàn hảo, mà được yêu cầu phải có năng lực tự điều chỉnh để không trượt dài trong sai lệch. Vì vậy, nhân sinh quan ấy không lý tưởng hóa con người, nhưng cũng không tuyệt vọng về con người.

Thứ tư, Trần Thái Tông coi sám hối là điểm khởi đầu của tự cải hóa, là cơ chế để con người thoát khỏi sự đồng nhất với lỗi lầm và tái lập năng lực làm chủ bản thân

Trần Thái Tông không coi sám hối như một nghi lễ tôn giáo nhằm chuộc lỗi trước quyền lực siêu nhiên, mà là hành vi tự giác thừa nhận sai lệch và cam kết chuyển hóa chính mình. Ông cho rằng: “Tiền đi lại trên sông, đường bộ là thuyền, xe; rửa bụi nhơ cho thân và tâm là lễ sám. Muốn rửa thân tâm mà không nhờ lễ sám, khác gì muốn tiện lợi đi lại, lại không dùng thuyền, xe”⁽⁵⁾. Sám hối, theo nghĩa này, không làm con người bị hạ thấp, mà khẳng định con người có khả năng sửa sai và làm mới chính mình trong đời sống hiện thực. Chính khả năng tự cải hóa này tạo nên chiều sâu nhân văn của nhân sinh quan Trần Thái Tông, bởi nó đặt niềm tin vào khả năng phục hồi của con

người thay vì đóng khung con người trong sai lầm. Con người không bị đồng nhất với lỗi lầm của mình, mà được nhìn như một chủ thể đang vận động, có khả năng thay đổi. Đây là một cách nhìn động về con người, khác hẳn với những cách nhìn tĩnh tại coi bản tính con người là cố định, bất biến. Vì vậy, nhân sinh quan này không chỉ là sự mô tả, mà là một định hướng cho sự phát triển nhân cách.

Thứ năm, về không gian tồn tại của nhân sinh quan, toàn bộ tư tưởng được đặt trong tinh thần nhập thế, thống nhất đời sống tinh thần với trách nhiệm xã hội

Theo cách nhìn của Trần Thái Tông, nhân sinh quan chỉ có ý nghĩa khi được thực hành ngay trong các quan hệ xã hội hiện thực, nơi con người đồng thời đối diện với bản phận và nguy cơ tha hóa. Trần Thái Tông không chủ trương rút lui khỏi đời sống xã hội, mà yêu cầu con người thực hiện phản tỉnh, tự chủ và tự cải hóa ngay trong những mối quan hệ xã hội cụ thể, đặc biệt là trong những hoàn cảnh gắn với quyền lực và trách nhiệm. Chính trong môi trường quyền lực, danh lợi, nguy cơ tha hóa trở nên rõ rệt nhất, nhưng chính ở đó năng lực tự điều chỉnh của con người được thử thách. Ông viết: “Trẫm nhờ trời trên yêu mến, hưởng ngôi chí tôn. Việc dân vất vả, việc nước bận bịu. Ngoài thì phồn hoa cảm dỗ, trong thì đục xé vò. Miệng chán mùi ngon, mình đầy vàng ngọc. Mắt tai tôi tớ sắc thanh, ăn ở yên lành đài tạ. Lại nữa, thói đời khinh bạc, nhân pháp suy vi, kẻ học bướng mù, gốc lành yếu mỏng. Ngày thì bụi căn va chạm, lưới nghiệp kéo lôi, tối thì màn ngủ lấp che, dây lười trói buộc. Ngày đêm theo duyên, đâu chẳng là lỗi gây họa chuốc hiềm. Trẫm lấy điều đó ghi nhớ trong lòng, thương cảm ngổn ngang, quên ăn mất ngủ. Nhân lúc việc triều rảnh rỗi, xem hết kinh luận và các nghi văn, biên soạn phép “lợi mình lợi người” để chỉ bảo chúng sinh”⁽⁶⁾. Nhân sinh quan của Trần Thái Tông vì thế không đối

lập đời sống tinh thần với đời sống xã hội, mà tìm cách thiết lập sự hài hòa giữa hai bình diện ấy. Con người không được cứu rỗi bằng cách rút khỏi xã hội, mà học cách tồn tại trong xã hội mà không đánh mất mình. Đây là điểm làm cho nhân sinh quan của Trần Thái Tông mang tính thực tiễn và nhân văn sâu sắc.

Nhìn tổng thể có thể thấy, nhân sinh quan nhân văn trong tư tưởng Trần Thái Tông là một hệ quan niệm động về con người, trong đó con người vừa chịu sự quy định của hoàn cảnh lịch sử - xã hội, vừa có khả năng tự điều chỉnh để không hoàn toàn bị quy định bởi hoàn cảnh. Con người không bị xem như sản phẩm thuần túy của xã hội, cũng không được thần thánh hóa như chủ thể tuyệt đối, mà được nhìn nhận trong mối quan hệ qua lại giữa điều kiện khách quan và năng lực chủ quan. Chính cách nhìn này tạo nên chiều sâu triết học của nhân sinh quan Trần Thái Tông và làm cho nó có khả năng đối thoại với những vấn đề của con người trong những hoàn cảnh lịch sử khác nhau. Đây chính là giá trị bền vững của nhân sinh quan nhân văn Trần Thái Tông đối với vấn đề con người hiện nay.

3. Giá trị gợi mở của tư tưởng nhân sinh quan nhân văn Trần Thái Tông đối với đời sống tinh thần con người Việt Nam hiện nay

Việc phân tích nhân sinh quan nhân văn Trần Thái Tông không hướng đến tạo ra một chuẩn mực để áp đặt cho con người hôm nay, mà nhằm nhận diện những điều kiện tinh thần để con người có thể tồn tại như một chủ thể tự chủ và tự định hướng. Nhân sinh quan này không được sử dụng như một mô hình lý tưởng, mà như khung tham chiếu để soi chiếu những biến dạng của đời sống tinh thần trong các điều kiện xã hội cụ thể của Việt Nam hiện nay. Khi đặt tư tưởng Trần Thái Tông vào trong bối cảnh đương đại, điều có ý nghĩa quan trọng là nhận ra sự tương ứng về cấu trúc vấn đề:

sự suy giảm năng lực tự chủ trước những lực kéo của hiệu suất, lợi ích và môi trường số hóa. Từ điểm tương ứng ấy, việc chuyển từ phân tích nhân sinh quan lịch sử sang phân tích thực trạng hiện nay trở nên hợp lý về phương pháp luận, tránh xu hướng phục cổ lẫn đạo đức hóa.

Trong giai đoạn hiện nay, suy giảm đời sống tinh thần đang nổi lên như một vấn đề xã hội có tính cấu trúc, chứ không chỉ là câu chuyện “cảm xúc cá nhân”. Các dữ liệu của Tổ chức Y tế thế giới cho thấy, rối loạn tâm thần, đặc biệt lo âu và trầm cảm, đã trở thành gánh nặng phổ biến trên phạm vi toàn cầu⁽⁷⁾, đồng thời “điểm rơi” của khủng hoảng tinh thần có xu hướng dịch chuyển mạnh về phía thế hệ trẻ⁽⁸⁾. Thực tế đó đặt ra yêu cầu phương pháp luận: đời sống tinh thần không thể tách rời các điều kiện sống cụ thể, cách tổ chức lao động, nhịp vận hành truyền thông và những cơ chế xã hội định hình mục tiêu sống của con người. Khi chuẩn mực xã hội nghiêng về hiệu suất, cạnh tranh và đo lường, năng lực suy tư, lắng lại và tự định hướng dễ bị suy giảm, khiến khủng hoảng tinh thần trở thành khủng hoảng giá trị. Nếu không nhìn thấy tầng “giá trị” này, các giải pháp rất dễ rơi vào chữa triệu chứng mà bỏ qua cơ chế sinh thành.

Ở Việt Nam, bối cảnh số hóa cho thấy, một điều kiện xã hội mới đang tái định hình mạnh mẽ đời sống tinh thần: cuối năm 2025 có khoảng 85,6 triệu người dùng internet (84,2% dân số) và khoảng 79,0 triệu “danh tính người dùng” mạng xã hội (77,6% dân số)⁽⁹⁾. Cấu trúc chú ý bị phân mảnh, thời gian nội tâm bị co rút, chuẩn mực bề nổi được khuếch đại làm suy yếu khả năng tự định hướng bằng một thang giá trị bền vững. Sự gia tăng “tương tác” không đồng nghĩa với gia tăng “gắn bó”; con người có thể kết nối nhiều hơn, nhưng lại cô đơn hơn, cập nhật liên tục nhưng khó chiêm nghiệm sâu. Vì vậy, “khủng hoảng giá trị” cần được hiểu

như một chỉ báo xã hội học về sự lệch pha giữa phương tiện và mục đích sống, giữa cá nhân và cộng đồng, chứ không phải lời than vãn đạo đức đơn thuần. Đời sống tinh thần suy yếu không chỉ vì thiếu kỹ năng ứng phó, mà còn vì thiếu những điểm tựa giá trị đủ mạnh để tổ chức lại đời sống.

Nếu nhìn sâu hơn vào thực tiễn Việt Nam, những biểu hiện khủng hoảng giá trị không chỉ tồn tại ở bình diện cảm nhận chung, mà đã phản ánh trực tiếp trong các chỉ báo về sức khỏe tâm thần của thế hệ trẻ. Trong bối cảnh hiện nay, các dữ liệu cụ thể về sức khỏe tâm thần vị thành niên ở nước ta cho thấy mức độ đáng lưu ý của các vấn đề tinh thần và “độ hở” trong tiếp cận hỗ trợ. Báo cáo Viet Nam Adolescent Mental Health Survey (V-NAMHS) cho biết trong 12 tháng, 21,7% vị thành niên từ 10 - 17 tuổi có vấn đề sức khỏe tâm thần, trong đó, lo âu 18,6%, trầm cảm 4,3% và chỉ 8,4% trong số các em có vấn đề đã tiếp cận dịch vụ hỗ trợ/tư vấn⁽¹⁰⁾. Trung tâm Nghiên cứu Tâm thần Queensland UNICEF Việt Nam cũng nêu lên nhận định tương thích: “một trong năm” trẻ vị thành niên trải nghiệm thách thức sức khỏe tâm thần, nhưng chỉ khoảng 5% cha mẹ thừa nhận con mình cần hỗ trợ sức khỏe tâm thần⁽¹¹⁾. Khoảng cách giữa “nhu cầu” và “nhận diện - tiếp cận” này cho thấy, đây không chỉ là vấn đề y tế, mà còn liên quan đến văn hóa ứng xử, chuẩn mực cộng đồng, năng lực tự diễn đạt nhu cầu tinh thần của cá nhân. Điều này đồng thời phản ánh một cơ chế xã hội, khi áp lực thành tích, định giá bên ngoài gia tăng, con người dễ học cách “chịu đựng” hơn là “hiểu mình”, dễ che giấu hơn là tìm kiếm hỗ trợ, dần đánh mất ngôn ngữ để nói về đời sống tinh thần một cách lành mạnh. Vì vậy, phục hồi đời sống tinh thần cần được hiểu như một nhiệm vụ kép, vừa nhằm củng cố hệ thống hỗ trợ, vừa tái thiết năng lực chủ thể để con người không tiếp tục tự làm mỏng đi đời sống nội tâm của mình.

Trong bối cảnh đó, giá trị gợi mở của nhân sinh quan Trần Thái Tông nằm ở chỗ cung cấp một “trực năng lực” để con người tự tổ chức lại đời sống tinh thần mà không rơi vào thoát ly hay đạo đức hóa. *Một là*, phản tỉnh ở đây không phải lời khuyên chung chung, mà là năng lực giúp cá nhân nhận diện những lực kéo vô hình (danh lợi, quyền lực, kích thích bẻ nôi,...) đang chi phối hành vi và cảm xúc, từ đó tạo ra khoảng cách cần thiết để lựa chọn một cách có ý thức. *Hai là*, tự chế không đối lập với tự do, mà bảo vệ tự do bằng cách phục hồi quyền làm chủ của cá nhân trước thói quen chạy theo “thỏa mãn” tức thời, một thói quen vốn rất dễ được “củng cố” trong môi trường số hóa. *Ba là*, tự cải hóa đặt con người trở lại vị thế chủ thể có khả năng sửa sai và làm mới mình, giúp chống lại cảm giác bất lực, buông xuôi, một tâm thế thường xuất hiện khi khủng hoảng giá trị khiến người ta mất niềm tin vào khả năng thay đổi. *Bốn là*, tinh thần nhập thế của Trần Thái Tông nhắc rằng, làm mới đời sống tinh thần không phải rút khỏi xã hội, mà là học cách sống trong xã hội mà không đánh mất mình, nghĩa là biến đời sống tinh thần thành năng lực thực hành giữa những quan hệ cụ thể. Khi đặt các gợi mở này cạnh dữ liệu thực trạng, có thể thấy nhân sinh quan nhân văn Trần Thái Tông không thay thế các giải pháp thể chế hay dịch vụ, nhưng bổ sung một tầng quyết định đó là nội lực chủ thể, giúp con người tái lập thang giá trị, ý nghĩa sống, từ đó nâng đỡ sức mạnh tinh thần một cách bền vững.

4. Kết luận

Bài viết không nhằm đề xuất một mô hình can thiệp tâm lý hay giải pháp kỹ thuật cho các vấn đề sức khỏe tinh thần, mà hướng tới làm rõ nền tảng mang tính nhân văn và

phương pháp luận đó là: năng lực chủ thể của con người trong việc tổ chức và tái lập đời sống tinh thần. Qua đối thoại phân tích nhân sinh quan nhân văn Trần Thái Tông với thực trạng đời sống tinh thần ở Việt Nam hiện nay, có thể thấy, khủng hoảng tinh thần không chỉ là hiện tượng tâm lý cá nhân, mà phản ánh sự biến dạng trong cấu trúc giá trị và trong quan hệ giữa con người với chính mình. Nhân sinh quan này không cung cấp “liệu pháp” theo nghĩa kỹ thuật, nhưng gợi mở cơ chế phản tỉnh, tự chủ, tự cải hóa để con người không bị cuốn vào các lực kéo xã hội. Từ lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phục hồi đời sống tinh thần đòi hỏi phải cải biến các điều kiện xã hội, tái lập năng lực chủ thể. Giá trị bền vững của tư tưởng nhân sinh quan nhân văn Trần Thái Tông chính là ở khả năng giúp xác lập lại con người như chủ thể tự chịu trách nhiệm trước đời sống của mình trong bối cảnh hiện đại □

(1),(2) và (6) Lê Mạnh Thát, *Toàn tập Trần Thái Tông*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2004, tr.350-351, 317 và 416
(3), (4) và (5) Trần Thái Tông (chê tác), Thích Thanh Kiêm (dịch), *Khóa Hư lục*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, (PL.2547 - DL.2003), tr.70, 43 và 66

(7) <https://www.who.int/news/item/02-09-2025-over-a-billion-people-living-with-mental-health-conditions-services-require-urgent-scale-up>

(8) <https://epthinktank.eu/2025/10/09/world-mental-health-day-10-october-2025>

(9) <https://datareportal.com/reports/digital-2026-vietnam>

(10) <https://qcmhr.org/docman/reports/15-vnamhs-report-eng-15-feb-2023>

(11) <https://www.unicef.org/vietnam/mental-health>